

VIỆN KHOA HỌC
KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU
THỦY VĂN VÀ HẢI VĂN

Số: Kon02/2025A1:K26A8A1:K17A1:K38AA1:K95

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 02 tháng 09 năm 2025

BẢN TIN DỰ BÁO THỦY VĂN LƯU VỰC SÔNG KÔN- HÀ THANH

I- Dự báo diễn biến thủy văn vùng thượng lưu:

Nhận xét tình hình trong 24h qua

Trong 24h qua trên lưu vực không mưa. Lúc 7h sáng nay, mực nước tại Bình Nghi đạt 12.05m thấp hơn BĐI 3.45m, mực nước tại Thanh Hòa đạt 6.47m thấp hơn BĐII 0.53m.

Dự báo trong 24h tới

Dự báo trong 24h tới trên lưu vực có mưa. Dòng chảy đến các hồ thay đổi và mực nước hạ lưu sông Kôn-Hà Thanh dao động.

Diễn biến mực nước các nút tính toán: Phương án 1

Hồ chứa	Thông số	Thực đo				Dự báo				
		01/09/2025			7h	02/09/2025			03/09/2025	
		13h	19h	1h		13h	19h	1h	7h	13h
Vĩnh Sơn A	Mực nước (H, m)	767.44	767.43	767.48	767.54	767.50	767.55	767.55	767.60	767.60
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)	2.08	2.21	2.44	2.44	2.57	2.48	2.39	2.29	2.19
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)	0.00	13.20	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Vĩnh Sơn B	Mực nước (H, m)	815.72	815.74	815.76	815.77	815.75	815.75	815.75	815.75	815.80
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)	2.39	2.39	2.83	2.83	3.07	3.04	3.02	2.99	2.95
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Vĩnh Sơn C	Mực nước (H, m)	971.96	971.98	972.00	972.01	972.00	972.05	972.10	972.15	972.20
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)	4.97	4.97	4.97	5.07	5.15	5.13	5.10	5.07	5.04

	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Vĩnh Sơn 4	Mức nước (H, m)									
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)									
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)									
Vĩnh Sơn 5	Mức nước (H, m)				154.50	154.45	154.45	154.45	154.45	154.45
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)				36.00	21.10	20.26	19.11	17.76	16.29
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)				0.00	21.10	20.26	19.11	17.76	16.29
Trà Xom 1	Mức nước (H, m)				656.56	667.45	667.45	667.50	667.50	667.55
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)				4.63	5.14	5.11	5.08	5.04	5.01
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)				2.00	2.00	2.00	2.00	2.00	2.00
Định Bình	Mức nước (H, m)				73.97	73.92	73.88	73.54	73.20	72.85
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)				31.00	30.54	29.30	27.59	25.59	23.40
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)				111.65	111.65	111.65	111.65	111.65	111.65
Núi Một	Mức nước (H, m)				38.33	38.30	38.30	38.30	38.30	38.35
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)				0.00	1.49	1.45	1.41	1.36	1.31
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)				0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Thuận Ninh	Mức nước (H, m)				62.60	62.60	62.60	62.60	62.60	62.60
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)				1.40	1.34	1.32	1.30	1.27	1.23
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)				0.62	0.62	0.62	0.62	0.62	0.62
Văn Phong	Mức nước (H, m)				25.03	24.65	24.60	24.50	24.45	24.40
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)				150.37	142.55	142.07	141.41	140.65	139.84
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)				150.37	149.67	149.43	148.96	148.72	148.48

II - Hiện trạng công trình

1) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn A tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 767.54 m
- Lưu lượng đến hồ: 2.44 m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

2) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn B tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 815.77 m
- Lưu lượng đến hồ: m^3/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

3) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn C tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 972.01 m
- Lưu lượng đến hồ: 5.07 m^3/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

4) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn 4 tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: m
- Lưu lượng đến hồ: m^3/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

5) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn 5 tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 154.50 m
- Lưu lượng đến hồ: m^3/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

6) Hồ chứa thủy điện Trà Xom 1 tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 656.56 m
- Lưu lượng đến hồ: 4.63 m^3/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

7) Hồ chứa thủy điện Định Bình tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 73.97 m
- Lưu lượng đến hồ: 31.00 m^3/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: 0 cửa

8) Hồ chứa thủy điện Núi Một tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 38.33 m
- Lưu lượng đến hồ: 0.00 m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

9) Hồ chứa thủy điện Thuận Ninh tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 62.60 m
- Lưu lượng đến hồ: 1.40 m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

10) Hồ chứa thủy điện Văn Phong tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: m
- Lưu lượng đến hồ: m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

Phương án 1

a. Phân tích, nhận xét:

Dự báo lưu lượng đến các hồ thay đổi. Mức nước tại trạm thủy văn Bình Nghi dưới BĐI. Hồ Định Bình vận hành đảm bảo an toàn hồ chứa. Các hồ khác duy trì chế độ vận hành hiện tại.

b. Kiến nghị phương án điều hành cụ thể:

Trung tâm Thủy văn Hải văn kiến nghị vận hành theo phương án I.

STT	Ngày	Giờ	Vĩnh Sơn A					Vĩnh Sơn B					Vĩnh Sơn C				
			Số cửa xả đáy	Số cửa xả mặt	Lưu lượng về hồ (m ³ /s)	Lưu lượng xả (m ³ /s)	Mức nước hồ (m)	Số cửa xả đáy	Số cửa xả mặt	Lưu lượng về hồ (m ³ /s)	Lưu lượng xả (m ³ /s)	Mức nước hồ (m)	Số cửa xả đáy	Số cửa xả mặt	Lưu lượng về hồ (m ³ /s)	Lưu lượng xả (m ³ /s)	Mức nước hồ (m)
1	01/09/2025	13h			2	0	767.4			2	0	815.7			5	0	972.0
2		19h			2	13	767.4			2	0	815.7			5	0	972.0
3		1h															
4	02/09/2025	7h															
5		13h			3	0	767.5			3	0	815.8			5	0	972.0
6		19h			2	0	767.6			3	0	815.8			5	0	972.1
7	03/09/2025	1h			2	0	767.6			3	0	815.8			5	0	972.1
8		7h			2	0	767.6			3	0	815.8			5	0	972.2
9		13h			2	0	767.6			3	0	815.8			5	0	972.2
			Duy trì chế độ vận hành hiện tại					Duy trì chế độ vận hành hiện tại					Duy trì chế độ vận hành hiện tại				

Vĩnh Sơn 4					Vĩnh Sơn 5					Trà Xom					Định Bình				
Số cửa xả đáy	Số cửa xả mặt	Lưu lượng về hồ (m ³ /s)	Lưu lượng xả (m ³ /s)	Mức nước hồ (m)	Số cửa xả đáy	Số cửa xả mặt	Lưu lượng về hồ (m ³ /s)	Lưu lượng xả (m ³ /s)	Mức nước hồ (m)	Số cửa xả đáy	Số cửa xả mặt	Lưu lượng về hồ (m ³ /s)	Lưu lượng xả (m ³ /s)	Mức nước hồ (m)	Số cửa xả đáy	Số cửa xả mặt	Lưu lượng về hồ (m ³ /s)	Lưu lượng xả (m ³ /s)	Mức nước hồ (m)
						1	36	0	154.5			5	2	656.6		0	31.0	111.7	74.0
						1	21	21	154.5			5	2	667.5		2	30.5	111.7	73.9
						1	20	20	154.5			5	2	667.5		2	29.3	111.7	73.9
						1	19	19	154.5			5	2	667.5		2	27.6	111.7	73.5
						1	18	18	154.5			5	2	667.5		2	25.6	111.7	73.2
						1	16	16	154.5			5	2	667.6		2	23.4	111.7	72.9
Duy trì chế độ vận hành hiện tại					Duy trì chế độ vận hành hiện tại					Duy trì chế độ vận hành hiện tại					Vận hành đảm bảo an toàn hồ chứa				

Núi Một					Thuận Ninh					Văn Phong				
Số cửa xả đáy	Số cửa xả mặt	Lưu lượng về hồ (m ³ /s)	Lưu lượng xả (m ³ /s)	Mức nước hồ (m)	Số cửa xả đáy	Số cửa xả mặt	Lưu lượng về hồ (m ³ /s)	Lưu lượng xả (m ³ /s)	Mức nước hồ (m)	Số cửa xả đáy	Số cửa xả mặt	Lưu lượng về hồ (m ³ /s)	Lưu lượng xả (m ³ /s)	Mức nước hồ (m)
		0.00	0.0	38.3			1.40	0.62	62.6			150.4	150.4	25.0
		1.49	0.0	38.3			1.34	0.62	62.6			142.5	149.7	24.65
		1.45	0.0	38.3			1.32	0.62	62.6			142.1	149.4	24.60
		1.41	0.0	38.3			1.30	0.62	62.6			141.4	149.0	24.50
		1.36	0.0	38.3			1.27	0.62	62.6			140.7	148.7	24.45
		1.31	0.0	38.4			1.23	0.62	62.6			139.8	148.5	24.40
Duy trì chế độ vận hành hiện tại					Duy trì chế độ vận hành hiện tại					Duy trì chế độ vận hành hiện tại				